

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỢNG ĐÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN.

**Niêm yết công khai kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách
của UBND xã Thượng Đình quý 3 năm 2023**

Hôm nay, hồi 08 giờ ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại UBND xã Thượng Đình
gồm có:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông : Hoàng Đình Âm | - Phó Chủ tịch UBND |
| 2. Bà : Dương Thị Mai Lan | - Công chức tài chính – kế toán |
| 4. Ông : Dương Đình Hiền | - Văn phòng- Ghi biên bản |

***/ Nội dung:**

Theo thông tư 343/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND xã Thượng Đình Niêm yết công khai kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách của UBND xã Thượng Đình quý 3 năm 2023 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách của UBND xã Thượng Đình quý 3 năm 2023.

(Có biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 10/10/2023 đến hết ngày 10/11/2023
- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND xã Thượng Đình, đăng tải trên trang thông tin của xã.

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

KẾ TOÁN


Dương Đình Hiền


Dương Thị Mai Lan

PHÓ CHỦ TỊCH UBND


Hoàng Đình Âm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯỢNG ĐÌNH**

Mẫu số 04/QĐ-CKNS
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 151/QĐ-UBND

Thượng Đình, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
Quý 3 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG ĐÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của công chức Tài Chính kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2023.

của UBND xã Thượng Đình (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Đình Âm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Quý 3 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	5.549.000.000	5.624.718.971	101,36
1.	Các khoản thu 100%	100.000.000	39.866.000	39,87
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	130.000.000	46.150.597	35,5
3.	Thu chuyên nguồn		39.234.374	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.319.000.000	5.499.468.000	103,39
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.319.000.000	3.650.000.000	68,62
	- Bổ sung có mục tiêu		1.849.468.000	
II.	Tổng số chi	5.549.000.000	3.109.272.199	56,03
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	5.549.000.000	3.109.272.199	56,03
3.	Dự phòng			

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Lan

Dương Thị Mai Lan

TM. UBND xã, phường, thị trấn

phó Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Đình Âm

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THƯỢNG ĐÌNH
Mã QHNS: 1013188

Biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Quý 3 Năm 2023



Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	5.589.000.000	5.549.000.000	831.927.834	806.060.071	14,89	14,53
I. Các khoản thu 100%	100.000.000	100.000.000	2.156.000	2.156.000	2,16	2,16
- Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	2.156.000	2.156.000	3,92	3,92
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	45.000.000	45.000.000				
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	170.000.000	130.000.000	29.771.834	3.904.071	17,51	3
1. Các khoản thu phân chia	50.000.000	50.000.000				
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000.000	35.000.000				
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000				
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	120.000.000	80.000.000	29.771.834	3.904.071	24,81	4,88
- Thuế giá trị gia tăng	80.000.000	80.000.000	4.066.740	3.904.071	5,08	4,88
- Thuế TNDN						
- Thuế thu nhập cá nhân	40.000.000		25.705.094		64,26	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.319.000.000	5.319.000.000	800.000.000	800.000.000	15,04	15,04
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.319.000.000	5.319.000.000	800.000.000	800.000.000	15,04	15,04
- Bổ sung có mục tiêu						

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 3 Năm 2023



Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	5.549.000.000		5.549.000.000	464.043.547		464.043.547	8,36		8,36
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	930.000.000		930.000.000	178.023.490		178.023.490	19,14		19,14
- Chi dân quân tự vệ	590.000.000		590.000.000	139.256.490		139.256.490	23,6		23,6
- Chi trật tự an toàn xã hội	340.000.000		340.000.000	38.767.000		38.767.000	11,4		11,4
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	81.000.000		81.000.000	6.705.000		6.705.000	8,28		8,28
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	12.500.000		12.500.000	35,71		35,71
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường				7.320.000		7.320.000			
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.151.000.000		4.151.000.000	259.495.057		259.495.057	6,25		6,25
Trong đó: Quỹ lương				290.333.658		290.333.658			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.942.000.000		1.942.000.000						
10.2. Hội đồng nhân dân	409.000.000		409.000.000	92.371.227		92.371.227	22,58		22,58
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	750.000.000		750.000.000	87.729.997		87.729.997	11,7		11,7
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	460.000.000		460.000.000	34.346.434		34.346.434	7,47		7,47
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	125.000.000		125.000.000	14.252.968		14.252.968	11,4		11,4
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	125.000.000		125.000.000	8.902.901		8.902.901	7,12		7,12
10.7. Hội Cựu chiến binh	190.000.000		190.000.000	12.124.206		12.124.206	6,38		6,38
10.8. Hội Nông dân	150.000.000		150.000.000	9.767.324		9.767.324	6,51		6,51

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ									
10.10. Hội Người cao tuổi									
10.11. Hội khuyến học									
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
11. Chi cho công tác xã hội	223.000.000		223.000.000						
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	223.000.000		223.000.000						
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác									
12. Chi khác									
13. Dự phòng	104.000.000		104.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 10 tháng 10 năm 2023